

# ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA HỌC KỲ I

## Chương trình Hợp tác giảng dạy tiếng Anh tiểu học BME-KIDs

(Năm học: 2018-2019)

\*\*\*\*\*

### KHỐI 1

#### I. Nội dung kiến thức, kĩ năng cần đạt trong kỳ kiểm tra chất lượng học kỳ 1

- Biết đọc và nhớ các mặt chữ trong từ vựng đã học từ tuần 1 đến tuần 14 của năm học.
- Có thể nghe âm chính xác để tìm chữ cái, từ hoặc tranh phù hợp. Đồng thời có thể viết được 1 số chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Anh.

#### II. Nội dung ôn tập : gồm 3 phần

##### **PHẦN A:** Kỹ năng nói:

Dạng bài kiểm tra này giúp HS ôn tập và củng cố kỹ năng nói tự nhiên và chính xác theo âm chuẩn của GV bản ngữ, GV và HS có các hoạt động tương tác hỏi và trả lời theo mức độ khó tăng dần. Câu hỏi được xoay quanh nội dung bài HS đã được học.

##### **PHẦN B:** Kỹ năng nghe:

#### **Bài 1:** Nghe và khoanh tròn vào âm chữ cái đầu tiên nghe được.

Trong bài này mỗi câu sẽ có 1 bức tranh cụ thể và có 2 âm chữ cái cho học sinh lắng nghe và lựa chọn. Dạng bài này giúp HS phân biệt được âm đầu chính xác của từng từ.

VD:

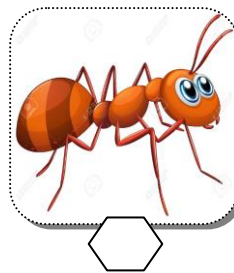


**b**   **(c)**

#### **Bài 2:** Nghe và đánh dấu vào ✓ tranh nghe được.

Trong bài này học sinh phải trả lời các câu hỏi với mức độ nâng cao hơn. Mỗi câu có 2 bức tranh, GVNN đọc từ nói về 1 bức tranh, HS sẽ tìm và đánh dấu ✓ vào hình vẽ tương ứng.

VD: *cat*



**Bài 3: Nghe và khoanh tròn vào từ nghe được.**

Trong bài này học sinh sẽ lắng nghe GV đọc to các từ và khoanh tròn vào từ nghe được.

VD:



**PHẦN C: Kỹ năng đọc viết:**

**Bài 1: Nhìn và viết chữ cái còn thiếu.**

Dạng bài này giúp HS nhớ từ, thường mỗi câu có 1 hình vẽ và 1 từ miêu tả hình vẽ đó nhưng thiếu 1 chữ cái. Học sinh nhìn vào tranh, đọc hiểu nội dung, sau đó viết chữ cái thích hợp.

VD:

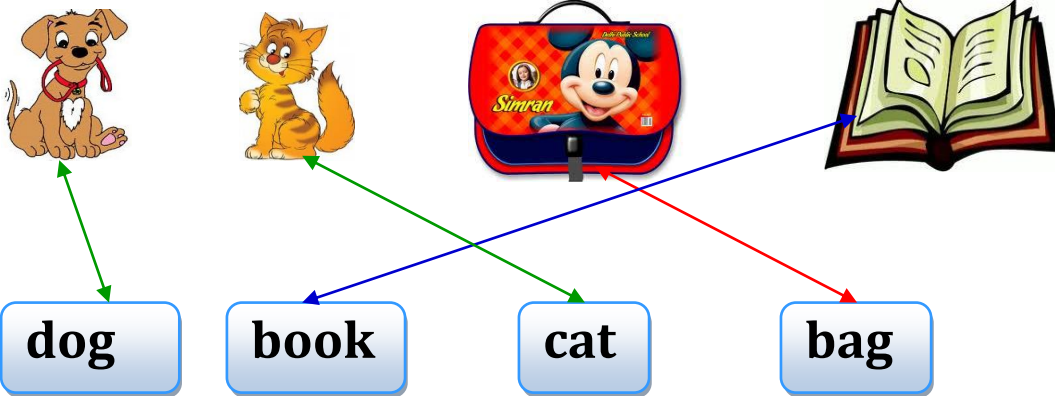


bag

**Bài 2: Đọc từ và nối với tranh.**

Trong bài này có 4 bức tranh với 4 từ tương ứng. Học sinh nhìn vào tranh, đọc hiểu nội dung, sau đó nối từ với tranh thích hợp.

VD:



**Bài 3: Đếm và viết số chính xác.**

Trong bài này học sinh đếm số lượng các vật trong 1 bức tranh và ghi số vào chỗ trống.

VD:



2 apples

**Bài 4: Nhìn từ và đánh dấu ✓ vào tranh đúng.**

Trong bài này học sinh phải biết phân biệt từ và tranh tương ứng với mức độ nâng cao hơn. Mỗi từ có 2 bức tranh, HS sẽ tìm và tích ✓ vào hình vẽ tương ứng.

VD:

bird



## KHỐI 2

### I. Nội dung kiến thức, kỹ năng cần đạt trong kỳ kiểm tra chất lượng học kỳ 1

- Biết đọc và nhớ các mặt chữ trong từ vựng đã học từ tuần 1 đến tuần 14 của năm học.
- Có thể nghe âm chính xác để tìm chữ cái, từ hoặc tranh phù hợp. Đồng thời có thể viết được 1 số chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Anh.
- Nhận biết và xác định các âm đọc gần giống nhau trong bảng chữ cái Tiếng Anh.

### II. Nội dung ôn tập : gồm 3 phần

#### **PHẦN A:** Kỹ năng nói:

Dạng bài kiểm tra này giúp HS ôn tập và củng cố kỹ năng nói tự nhiên và chính xác theo âm chuẩn của GV bản ngữ, GV và HS có các hoạt động tương tác hỏi và trả lời theo mức độ khó tăng dần. Câu hỏi được xoay quanh nội dung bài HS đã được học.

#### **PHẦN B:** Kỹ năng nghe:

#### **Bài 1:** Nghe và khoanh tròn vào âm chữ cái đầu tiên nghe được.

Trong bài này mỗi câu sẽ có 1 bức tranh cụ thể và có 2 âm chữ cái cho học sinh lắng nghe và lựa chọn.

VD:



t      r

#### **Bài 2:** Nghe và đánh dấu vào ✓ tranh nghe được.

Trong bài này học sinh phải trả lời các câu hỏi với mức độ nâng cao hơn. Mỗi câu có 2 bức tranh, GVNN đọc từ nói về 1 bức tranh, HS sẽ tìm và **đánh dấu vào** ✓ vào hình vẽ tương ứng.

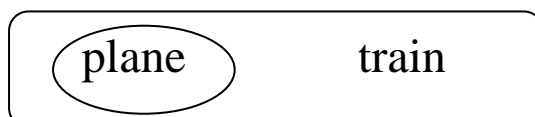
VD:



#### **Bài 3:** Nghe và khoanh tròn vào từ nghe được.




Trong bài này học sinh sẽ lắng nghe GV đọc to các từ và khoanh tròn vào từ nghe được.

VD:



**Bài 4: Nghe và đánh số thứ tự các tranh nghe được.**

Giáo viên đọc to 3 câu ngắn mô tả về 3 bức tranh. Có 1 bức tranh mẫu đã đánh số 1. Học sinh lắng nghe và đánh số số thứ tự vào các tranh còn lại.

VD:   

1. This is my cat.  
 2. My car is yellow.  
 3. It's a dog.

**PHẦN C: Kỹ năng đọc viết:**


**Bài 1: Nhìn và viết chữ cái còn thiếu.**


Dạng bài này giúp HS nhớ từ, thường mỗi câu có 1 hình vẽ và 1 từ miêu tả hình vẽ đó nhưng thiếu 1 chữ cái. Học sinh nhìn vào tranh, đọc hiểu nội dung, sau đó viết chữ cái thích hợp.

VD:  cat

**Bài 2: Đọc câu và nối với tranh.**


Trong bài này có 5 bức tranh tương ứng với 5 câu mô tả. Học sinh nhìn vào tranh, đọc hiểu nội dung, sau đó nối câu với tranh phù hợp.

VD: *I can run.* 

*I can climb.* 

**Bài 3: Nhìn tranh và đánh dấu ✓ vào từ phù hợp.**

Trong bài này học sinh nhìn tranh và lựa chọn từ đúng chỉ bức tranh đó. Mỗi câu có 3 lựa chọn nhưng chỉ có 1 đáp án đúng duy nhất. Học sinh đánh dấu vào đáp án đúng.

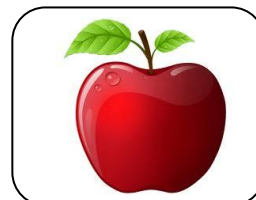
VD:   *four*  *two*  *three*

**Bài 4: Nhìn tranh và khoanh tròn đáp án đúng để hoàn thành câu.**

Trong bài này học sinh nhìn tranh, đọc hiểu câu miêu tả và lựa chọn đáp án để điền vào chỗ trống. Mỗi câu có 2 lựa chọn nhưng chỉ có 1 đáp án đúng duy nhất. Học sinh khoanh tròn đáp án đúng.

VD: **What's this? - It's \_\_\_\_\_.**

A. *an apple*  
 B. *an orange*



## KHỐI 3

### I. Nội dung kiến thức, kỹ năng cần đạt trong kỳ kiểm tra chất lượng học kỳ 1

- Biết đọc và nhớ từ vựng cũng như mẫu câu đã học từ tuần 1 đến tuần 14 của năm học.
- Có thể nghe đúng, chính xác các từ vựng và mẫu câu đã học và trả lời được các câu hỏi liên quan đến nội dung bức tranh.
- Có khả năng nghe các mẫu câu miêu tả, các đoạn hội thoại ngắn để đánh số theo thứ tự vào tranh phù hợp hoặc chọn tranh đúng.
- Nhận biết và xác định các âm đọc gần giống nhau của các từ hoặc câu trong Tiếng Anh.
- Biết cách lựa chọn từ khác loại, dựa theo nghĩa của từ.
- Biết cách sắp xếp từ tạo thành câu đúng ngữ pháp trong tiếng Anh.
- Có thể đọc hiểu rõ ràng nội dung các loại hội thoại ngắn hoặc các câu miêu tả nội dung tranh có liên quan.

### II. Nội dung ôn tập : gồm 3 phần

#### **PHẦN A:** Kỹ năng nói:

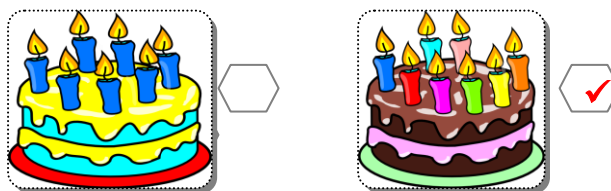
Dạng bài kiểm tra này giúp HS ôn tập và củng cố kỹ năng nói tự nhiên và chính xác theo âm chuẩn của GV bản ngữ, GV và HS có các hoạt động tương tác hỏi và trả lời theo mức độ khó tăng dần. Câu hỏi được xoay quanh nội dung bài HS đã được học.

#### **PHẦN B:** Kỹ năng nghe:

#### **Bài 1. Nghe và đánh dấu vào** ✓ *tranh nghe được.*

HS sẽ nghe các câu/ đoạn hội thoại ngắn mô tả về một bức tranh và **đánh dấu vào** ✓ vào tranh được nói đến.

**VD:** *There are eight candles on the birthday cake.*



#### **Bài 2: Nghe, ghi số thứ tự vào tranh từ 1 - 4 và hoàn thành câu, sử dụng từ gợi ý**

Trong bài này có 4 bức tranh, mỗi tranh sẽ tương ứng với một đoạn hội thoại ngắn hay 1 mẫu câu mà HS đã được học. GV sẽ đọc lần lượt các câu liên quan đến nội dung bức tranh. Học sinh lắng nghe và ghi số từ 1 đến 4 vào các tranh theo thứ tự nghe được. Học sinh sử dụng các từ cho sẵn để điền vào chỗ trống để hoàn thành các câu mô tả tương ứng với các bức tranh.

VD:

1. This is my **school**.
2. Who is this? – He is my **friend**, Joe.



1

2

**Bài 3. Nghe và khoanh tròn vào câu trả lời phù hợp.**

Trong bài này HS sẽ nghe 4 câu hỏi và lựa chọn đáp án đúng cho mỗi câu hỏi.

Mỗi câu có 2 lựa chọn nhưng chỉ có 1 đáp án đúng duy nhất. Học sinh khoanh tròn đáp án đúng.

VD: How are you, Linda?

A. I'm eight years old.

B. I'm fine, thanks.

**Bài 4: Nghe và đánh dấu ✓ vào câu nghe được**

Dạng bài này giúp HS phân biệt âm đọc chính xác. Trong bài học sinh phải lắng nghe các cặp câu gần giống nhau về âm, mỗi phần có 2 câu có âm gần giống nhau. Học sinh phải chú ý lắng nghe rồi tích ✓ vào câu đúng nghe được.

VD:  Hi. My name's Tony.

Hi. My name's Tommy.

**PHẦN C: Kỹ năng đọc viết:**

**Bài 1: Chọn từ khác loại so với các từ còn lại**

Dạng bài này giúp HS nhớ nghĩa của từ và phân biệt các từ đã học thuộc loại từ gì, có liên quan như thế nào. Trong bài này thường có 2 câu, mỗi câu có 3 từ. Học sinh sẽ nhìn cả 3 từ, giải thích nghĩa và khoanh tròn từ khác loại với các từ còn lại.

VD: six car ten

**Bài 2: Nhìn tranh, khoanh tròn câu trả lời phù hợp với nội dung câu hỏi.**

Dạng bài này giúp HS luyện hỏi và trả lời, Trong bài học sinh nhìn tranh, phải hiểu nội dung câu hỏi và lựa chọn câu trả lời phù hợp. Mỗi câu có 2 lựa chọn nhưng chỉ có 1 đáp án đúng duy nhất. Học sinh khoanh tròn đáp án đúng.

VD: 1. What is this?

A. It's a kite.

B. It's a teddy bear.



**Bài 3: Chọn từ đúng để điền vào chỗ trống**

Học sinh lựa chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống trong các từ cho sẵn.

VD: Hi. I (am / is) **am** Michael.

**Bài 4: Đọc và đánh dấu ✓ vào câu đúng.**

HS đọc và lựa chọn câu đúng ngữ pháp trong 2 câu được đưa.

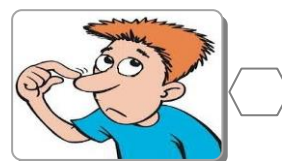
VD:  This is my school bag red.

This is my red school bag.

### **Bài 5: Đọc và đánh dấu ✓ vào câu đúng**

HS đọc các đoạn hội thoại ngắn hoặc một câu mô tả về một bức tranh và lựa chọn tranh phù hợp trong hai bức tranh được đưa ra.

VD: Touch your ears.



### **Bài 6: Sắp xếp các từ tạo thành câu hoàn chỉnh.**

Trong bài này học sinh nhìn các từ được đặt cách nhau bằng dấu gạch chéo. HS phải sắp xếp lại trật tự từ để tạo thành 1 câu hoàn chỉnh có nghĩa. Lưu ý bỏ dấu gạch chéo.

VD: it / a / Is / train? → Is it a train?

\*\*\*\*\*

## **KHỐI 4**

### **I. Nội dung kiến thức, kỹ năng cần đạt trong kỳ kiểm tra chất lượng học kỳ 1**

- Biết đọc và nhớ từ vựng cũng như mẫu câu đã học từ tuần 1 đến tuần 14 của năm học.
- Có khả năng nghe các mẫu câu miêu tả hoặc các đoạn hội thoại ngắn để đánh số tranh theo thứ tự được nhắc đến hoặc chọn tranh đúng.
- Có khả năng nghe và điền từ vào chỗ trống với các từ cho sẵn.
- Có khả năng nghe câu hỏi và chọn câu trả lời phù hợp.
- Nhận biết và xác định các âm đọc gần giống nhau của các từ hoặc câu trong Tiếng Anh.
- Biết cách lựa chọn từ khác loại, dựa theo nghĩa của từ.
- Biết cách sắp xếp từ tạo thành câu đúng ngữ pháp trong tiếng Anh.
- Có thể đọc hiểu rõ ràng nội dung các loại hội thoại ngắn hoặc các câu miêu tả nội dung tranh có liên quan.
- Có thể đọc hiểu các đoạn văn ngắn và lấy thông tin để làm các dạng bài như chọn đúng/ sai, chọn câu trả lời đúng cho câu hỏi ...

### **II. Nội dung ôn tập** : gồm 3 phần

#### **PHẦN A:** Kỹ năng nói:

Dạng bài kiểm tra này giúp HS ôn tập và củng cố kỹ năng nói tự nhiên và chính xác theo âm chuẩn của GV bản ngữ, GV và HS có các hoạt động tương tác hỏi và trả lời theo mức độ khó tăng dần. Câu hỏi được xoay quanh nội dung bài HS đã được học.

#### **PHẦN B:** Kỹ năng nghe:

#### **Bài 1. Nghe và khoanh tròn vào tranh đúng.**

HS sẽ nghe một câu/ đoạn hội thoại ngắn mô tả về một bức tranh và khoanh tròn vào tranh được nói đến.

Ví dụ: *Look at my jeans. They are blue.*



**Bài 2: Nghe và đánh ✓ vào câu nghe được.**

Dạng bài này giúp HS phân biệt âm đọc chính xác. Trong bài học sinh phải lắng nghe các cặp câu gần giống nhau về âm, mỗi phần có 3 câu có âm gần giống nhau. Học sinh phải chú ý lắng nghe rồi tích “✓” vào câu đúng nghe được.

- VD:  Hi. My name’s Tony.  
 Hi. My name’s Tommy.  
 Hi. My name’s Tom.

**Bài 3: Nghe và điền chỗ trống để hoàn thành đoạn văn sau.**

Trong bài có 1 đoạn văn miêu tả/ đoạn hội thoại/ các mẫu câu với các từ còn thiếu. GV đọc đoạn văn, học sinh lắng nghe và viết từ vào chỗ trống, sử dụng các từ gợi ý.

**Bài 4: Nghe câu hỏi và khoanh tròn câu trả lời nghe được.**

HS nghe các câu hỏi và chọn câu trả lời phù hợp.

VD. *Where were you yesterday?*



O. -----

- A. **We are at the zoo yesterday.**  
**B. We were at the zoo yesterday.**

**PHẦN C: Kỹ năng đọc viết:**

**Bài 1: Khoanh tròn từ khác loại.**

Dạng bài này giúp HS nhớ nghĩa của từ và phân biệt các từ đã học thuộc loại từ gì, có liên quan như thế nào. Trong bài này thường có 4 câu, mỗi câu có 4 từ. Học sinh sẽ nhìn cả 3 từ, giải thích nghĩa và khoanh tròn từ khác loại với các từ còn lại.

VD: *mom*                      **school**                      *dad*                      *sister*

**Bài 2: Nhìn tranh, khoanh tròn câu trả lời phù hợp với nội dung câu hỏi.**

Dạng bài này giúp HS luyện hỏi và trả lời, Trong bài học sinh nhìn tranh, phải hiểu nội dung câu hỏi và lựa chọn câu trả lời phù hợp. Mỗi câu có 3 lựa chọn nhưng chỉ có 1 đáp án đúng duy nhất. Học sinh khoanh tròn đáp án đúng.

VD: *What is she doing?*

- A. She can ride a motorbike.**  
**B. She can ride a bike.**  
**C. She is riding a bike.**







**Bài 3: Chọn từ đúng và điền vào chỗ trống.**

Dạng bài này giúp HS củng cố ngữ pháp. Học sinh nhìn câu, phải hiểu nội dung câu và lựa chọn đáp án phù hợp. Mỗi câu có 2 lựa chọn nhưng chỉ có 1 đáp án đúng duy nhất. Học sinh khoanh viết đáp án đúng.

VD: Hello. My (new / name ) name is Linda.

**Bài 4: Đọc đoạn văn và xác định các câu đúng (T) hoặc sai (F)**

HS đọc một đoạn văn ngắn, tìm thông tin và đánh dấu vào ô T (True) hoặc F (False) cho các câu miêu tả bên dưới.

**Bài 5: Sắp xếp các từ tạo thành câu hoàn chỉnh.**

Trong bài này học sinh nhìn các từ được đặt cách nhau bằng dấu gạch chéo. HS phải sắp xếp lại trật tự từ để tạo thành 1 câu hoàn chỉnh có nghĩa. Lưu ý bỏ dấu gạch chéo.

VD: it / a / Is / train/ blue? → Is it a blue train?

\*\*\*\*\*

## **KHỐI 5**

### **I. Nội dung kiến thức, kỹ năng cần đạt trong kỳ kiểm tra chất lượng học kỳ 1**

- Biết đọc và nhớ từ vựng cũng như mẫu câu đã học từ tuần 1 đến tuần 14 của năm học.
- Có khả năng nghe các mẫu câu miêu tả/ đoạn hội thoại ngắn, đánh số theo thứ tự vào tranh phù hợp hoặc chọn tranh đúng.
- Có khả năng nghe câu hỏi và chọn câu trả lời phù hợp.
- Có khả năng nghe các đoạn miêu tả ngắn để thực hiện các yêu cầu như điền từ vào chỗ trống với các từ cho sẵn và chọn câu đúng/ sai.
- Có thể xác định được từ có phần gạch chân phát âm khác các từ còn lại.
- Biết cách sắp xếp từ tạo thành câu đúng ngữ pháp trong tiếng Anh.
- Có thể đọc hiểu nội dung các đoạn văn mô tả ngắn và xác định câu đúng/ sai.
- Có khả năng viết được một bức thư/ đoạn văn mô tả ngắn ... liên quan đến các chủ đề được học dựa vào các câu hỏi gợi ý.

### **II. Nội dung ôn tập:** gồm 4 phần

#### **PHẦN A:** Kỹ năng nói:

Dạng bài kiểm tra này giúp HS ôn tập và củng cố kỹ năng nói tự nhiên và chính xác theo âm chuẩn của GV bản ngữ, GV và HS có các hoạt động tương tác hỏi và trả lời theo mức độ khó tăng dần. Câu hỏi được xoay quanh nội dung bài HS đã được học.

#### **PHẦN B:** Kỹ năng nghe:

#### **Bài 1: Nghe và ghi số theo thứ tự.**

Trong bài này thường có 5 bức tranh (1 tranh đã được làm mẫu và đánh số 0), mỗi tranh sẽ tương ứng với một hội thoại ngắn hay 1 mẫu câu mà HS đã được học. GV sẽ đọc lần lượt các câu liên quan đến nội dung bức tranh. HS ghi số từ 1 – 4 theo thứ tự nghe được.



**Bài 3: Đọc và sắp xếp lại các câu để tạo thành đoạn hội thoại hoàn chỉnh.**

Trong bài sẽ có 4 câu (2 câu hỏi + 2 câu trả lời) trong đó có một câu đã được đánh số 1. HS sắp xếp các câu còn lại bằng cách đánh số từ 2 - 4 để tạo thành một đoạn hội thoại hoàn chỉnh.

VD:

- 1 A. What do you usually do after school, Linda?
- 4 B. Oh. Yes, I do. I usually help my mom to clean the floor.
- 3 C. Do you help your mom after school?
- 2 D. I usually go swimming with my best friend, Sophie.

**PHẦN D: Kỹ năng viết:**

**Bài 1: Sắp xếp các từ tạo thành câu hoàn chỉnh.**

Trong bài này học sinh nhìn các từ được đặt cách nhau bằng dấu gạch chéo. HS phải sắp xếp lại trật tự từ để tạo thành 1 câu hoàn chỉnh có nghĩa. Lưu ý bỏ dấu gạch chéo.

VD: walk/ I/ school/ everyday/ to/. => I walk to school everyday.

**Bài 2: Chọn từ đúng và điền vào chỗ trống.**

Dạng bài này giúp HS củng cố ngữ pháp. Học sinh nhìn câu, đọc hiểu nội dung câu và lựa chọn đáp án phù hợp. Mỗi câu có 3 lựa chọn nhưng chỉ có 1 đáp án đúng duy nhất. Học sinh viết đáp án đúng vào chỗ trống.

VD: Hello. My (new /name/ full) name is Linda.

**Bài 3: Viết một bức thư/ đoạn văn khoảng 35 – 45 từ về một chủ đề được học**

HS viết một bức thư/ đoạn văn ngắn về một chủ đề cho trước dựa vào các câu hỏi gợi ý.

VD: Write a short letter about your day

- ✓ What do you do in the morning?
- ✓ What time do you go to school?
- ✓ What time do you go home?
- ✓ What do you do after school?
- ✓ What do you do in the evening?

**Bộ phận chuyên môn BME**